

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/KDTM-ST
Ngày: 30-5-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng T

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Mai L
- Ông Nguyễn Văn S

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành L, là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố H tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2023/TLST-KDTM ngày 22/11/2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 132/2024/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T. Địa chỉ trụ sở chính: Số 247 đường Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thu H, sinh năm 1986 – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Địa chỉ: Số 10 Đường S5, phường Tây Thạnh, quận T, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 4 năm 2024). (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S. Địa chỉ trụ sở chính: Số 229 đường Phạm Văn Đồng, Phường 1, quận G, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Đăng Huyền T, sinh năm 1988 – là người đại diện theo ủy quyền. Địa chỉ: Số 72/4 đường Huỳnh Văn Bánh,

Phường 15, quận P, Thành phố H (Theo Giấy ủy quyền số 03/UQ/2024-SGG ngày 11/4/2024). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T là bà Bùi Thu H trình bày:

Nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T (sau đây gọi là Công ty T) và bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S (sau đây gọi là Công ty Xây dựng S) có ký Hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng công trình số: 122110/2021/HĐKT/SGG-TC ngày 09/12/2021. Theo đó, Công ty T là bên cung cấp vãi địa kỹ thuật cho Công ty Xây dựng S, giá trị hợp đồng là 4.012.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã giao hàng đúng tiến độ theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng, có đầy đủ biên bản giao hàng với Công ty Xây dựng S. Tuy nhiên, Công ty Xây dựng S đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dù Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở Công ty Xây dựng S thanh toán công nợ số tiền là 600.000.000 đồng nhưng đến nay Công ty Xây dựng S vẫn chưa thanh toán đầy đủ. Ngày 22/4/2022 và ngày 17/6/2022, Công ty Xây dựng S có làm biên bản đối chiếu công nợ và ngày 20/6/2023 có làm công văn đối chiếu công nợ và lịch thanh toán số tiền nợ trên.

Ngày 07/10/2023, Công ty Xây dựng S đã thanh toán cho Công ty T số tiền là: 20.000.000 đồng; Ngày 21/02/2024, Công ty Xây dựng S đã tiếp tục thanh toán cho Công ty T số tiền là: 20.000.000 đồng; Ngày 13/4/2024, Công ty Xây dựng S đã thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền là: 15.000.000 đồng; Ngày 24/5/2024, Công ty Xây dựng S đã thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền là: 10.000.000 đồng. Do đó, hiện nay số tiền Công ty Xây dựng S còn nợ Công ty T là: 535.000.000 đồng. Trên tinh thần thiện chí, Công ty T đã đồng ý cho Công ty Xây dựng S thanh toán trả dần nhưng Công ty Xây dựng S kéo dài thời gian thanh toán quá lâu. Do đó, Công ty T yêu cầu Công ty Xây dựng S phải thanh toán ngay một lần số tiền còn nợ nêu trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty T không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán phát sinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Xây dựng S trình bày tại các Biên bản hòa giải ngày 19/12/2023, ngày 03/01/2024 và tại phiên tòa:

Bị đơn thống nhất như nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S xác nhận giữa Công ty Xây dựng S và nguyên đơn Công ty T có ký Hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng công trình số: 122110/2021/HĐKT/SGG-TC ngày 09/12/2021 như trên, đến nay dư nợ Công ty Xây dựng S còn nợ Công ty T là 535.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay các đối tác của Công ty Xây dựng S vẫn đang còn nợ nên Công ty Xây dựng S chưa có khả năng thanh toán cho Công ty T một lần số nợ trên. Do

đó, Công ty Xây dựng S cam kết sẽ thanh toán khoản nợ trên cho Công ty T vào khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2024. Ngoài ra, Công ty Xây dựng S không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S trả số tiền còn nợ là 535.000.000 đồng, không đồng ý theo phương án trả nợ của phía bị đơn và yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần số tiền nợ còn lại nêu trên ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S trình bày: Bị đơn xác nhận hai bên có ký hợp đồng như trên và hiện nay bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền chưa thanh toán là: 535.000.000 đồng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn, các đối tác của bị đơn còn nợ tiền bị đơn nên bị đơn chưa có khả năng thanh toán một lần số nợ trên nên xin được thanh toán khoản nợ trên trong khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T khởi kiện Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S có trụ sở chính tại quận G. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

2. Về nội dung:

2.1. Nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là 535.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng công trình số: 122110/2021/HĐKT/SGG-TC ngày 09/12/2021 giữa Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T và Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S thể hiện hai bên có giao kết hợp đồng. Theo hợp đồng trên thì Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T cung cấp

vải địa kỹ thuật cho Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S, giá trị hợp đồng là 4.012.000.000 đồng.

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng theo đúng như thỏa thuận trong hợp đồng và có đầy đủ biên bản giao nhận hàng. Tuy nhiên, Công ty Xây dựng S đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán và đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán đầy đủ. Hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ vào các ngày 22/4/2022 và ngày 17/6/2022, bị đơn cũng đã làm công văn đối chiếu công nợ và lịch thanh toán vào ngày 20/6/2023 với số tiền là 600.000.000 đồng. Ngày 07/10/2023, Công ty Xây dựng S đã thanh toán cho Công ty T số tiền là: 20.000.000 đồng; Ngày 21/02/2024, Công ty Xây dựng S đã tiếp tục thanh toán cho Công ty T số tiền là: 20.000.000 đồng; Ngày 13/4/2024, Công ty Xây dựng S đã thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền là: 15.000.000 đồng; Ngày 24/5/2024, Công ty Xây dựng S đã thanh toán tiếp cho Công ty T số tiền là: 10.000.000 đồng nên hiện nay số tiền Công ty Xây dựng S còn nợ Công ty T là: 535.000.000 đồng. Do bị đơn kéo dài thời gian thanh toán quá lâu nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bị đơn trả lãi suất do chậm thanh toán.

Bị đơn thống nhất về việc ký kết Hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng công trình như trình bày của nguyên đơn. Đồng thời, bị đơn xác nhận hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền chưa thanh toán là 535.000.000 đồng. Tuy nhiên, do hiện nay do tình hình kinh tế của bị đơn gặp khó khăn nên chưa thanh toán được cho nguyên đơn ngay mà cam kết sẽ thanh toán dứt điểm cho nguyên đơn trong khoảng tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2024.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định dư nợ hiện tại Công ty Xây dựng S còn nợ Công ty T là 535.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

2.2. Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền còn nợ nguyên đơn. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

2.3. Đối với yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Do bị đơn Công ty Xây dựng S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và kéo dài thời gian thanh toán quá lâu kể từ ngày lập biên bản đối chiếu công nợ là ngày 22/4/2022 và ngày 17/6/2022. Sau đó, ngày 20/6/2023 Công ty Xây dựng S có làm công văn đối chiếu công nợ và lịch thanh toán số tiền nợ trên nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán xong gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn Công ty T yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, bị đơn yêu

cầu được trả chậm số tiền còn nợ nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

3. Về án phí:

Căn cứ quy định của Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0012915 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

Bị đơn Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 25.400.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T.

Buộc Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S trả cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T số tiền là: 535.000.000 (Năm trăm ba mươi lăm triệu) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu bị đơn phải đơn trả lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền nợ nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S phải chịu án phí kinh doanh thương mại là: 25.400.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm nộp án phí cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T đã nộp là: 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0012915 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu T và Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)